

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Số: *14CH/QĐ-UBND*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tiền Giang, ngày 11 tháng 6 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền
giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính mới ban hành (02 thủ tục), được sửa đổi và bổ sung (02 thủ tục) thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang (*Lĩnh vực Bỏ trợ tư pháp; Lĩnh vực Hành chính tư pháp*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp (Cục KS TTHC);
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (Phòng KS.TTHC);
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

**KT. CHỦ TỊCH *SV*
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Kim Mai

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA
SỞ TƯ PHÁP TỈNH TIỀN GIANG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1464/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2015
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)*

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH:

A. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang

Số TT	Tên thủ tục hành chính
LĨNH VỰC BỔ TRỢ TƯ PHÁP	
1	Đăng ký hoạt động của Trung tâm, cấp lại giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn, hỗ trợ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài
2	Thay đổi nội dung giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn, hỗ trợ hôn nhân và gia đình

B. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang

Stt	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
LĨNH VỰC HÀNH CHÍNH TƯ PHÁP			
1	T-TGG-264410-TT	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	Thông tư số 02a/2015/TT-BTP ngày 23/02/2015
2	T-TGG-264097-TT	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn đã được giải quyết ở nước ngoài	nt

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP

A. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang

1. Đăng ký hoạt động của Trung tâm, cấp lại giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn, hỗ trợ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài

1	Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.</p> <p>Bước 2: Nộp hồ sơ tại Sở Tư pháp, Số 43, đường Hùng Vương, Phường 7, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang. Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì viết phiếu nhận hồ sơ trao cho người nộp.- Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ thì cán bộ tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn một lần bằng văn bản để người đến nộp hồ sơ làm lại cho đúng quy định. <p>Bước 3: Nhận kết quả tại Sở Tư pháp, Số 43, đường Hùng Vương, Phường 7, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang. Công chức trả kết quả cho người nhận. Trường hợp nếu mất phiếu hẹn thì phải có giấy cam kết của cá nhân, tổ chức nộp hồ sơ.</p> <p>Thời gian nhận hồ sơ và trả kết quả: Sáng từ 07 giờ 00 đến 11 giờ 30, chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ 00. Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ các ngày nghỉ theo quy định).</p>
2	Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước hoặc thông qua hệ thống bưu chính.
3	Hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none">- Tờ khai đăng ký hoạt động theo mẫu quy định;- Bản sao Quyết định thành lập Trung tâm;- Giấy tờ chứng minh địa điểm đặt trụ sở của Trung tâm;- Phiếu lý lịch tư pháp của người dự kiến đứng đầu Trung tâm được cấp chưa quá 03 tháng, tính đến ngày nhận hồ sơ;- Bản sao quy chế hoạt động theo quy định. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p>
4	Thời hạn giải quyết	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp cấp giấy đăng ký hoạt động cho Trung tâm. Trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do từ chối.

5	Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Sở Tư pháp. b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tư pháp.
6	Đối tượng thực hiện TTHC	Tổ chức
7	Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Không
8	Phí, lệ phí	Không
9	Kết quả của việc thực hiện TTHC	Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn, hỗ trợ hôn nhân và gia đình
10	Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	<ul style="list-style-type: none"> - Có quy chế hoạt động bảo đảm nguyên tắc quy định tại Điều 52 của Nghị định 126/2014/NĐ-CP được Hội Liên hiệp phụ nữ phê duyệt - Có địa điểm, trang thiết bị, nhân lực cần thiết bảo đảm hoạt động của Trung tâm; - Người dự kiến đứng đầu Trung tâm là người không có tiền án.
11	Căn cứ pháp lý của TTHC	- Nghị định 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hôn nhân và gia đình.

2. Thay đổi nội dung giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn, hỗ trợ hôn nhân và gia đình

1	Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.</p> <p>Bước 2: Nộp hồ sơ tại Sở Tư pháp, Số 43, đường Hùng Vương, Phường 7, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang. Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì viết phiếu nhận hồ sơ trao cho người nộp. - Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ thì cán bộ tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn một lần bằng văn bản để người đến nộp hồ sơ làm lại cho đúng quy định. <p>Bước 3: Nhận kết quả tại Sở Tư pháp, Số 43, đường Hùng Vương, Phường 7, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang Công chức trả kết quả cho người nhận. Trường hợp nếu mất phiếu hẹn thì phải có giấy cam kết của cá nhân, tổ chức nộp hồ sơ.</p> <p>Thời gian nhận hồ sơ và trả kết quả: Sáng từ 07 giờ 00 đến 11 giờ 30, chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ 00. Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ các ngày nghỉ theo quy định).</p>
2	Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước hoặc thông qua hệ thống bưu chính
3	Hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp thay đổi tên gọi, địa điểm trụ sở: <ul style="list-style-type: none"> + Văn bản đề nghị ghi chú thay đổi; + Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm. - Trường hợp thay đổi người đứng đầu Trung tâm hoặc thay đổi nội dung hoạt động của Trung tâm: <ul style="list-style-type: none"> + Văn bản đề nghị thay đổi, trong đó nêu rõ mục đích, nội dung, lý do thay đổi; + Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm. + Nếu thay đổi người đứng đầu Trung tâm thì còn phải có Phiếu lý lịch tư pháp của người dự kiến thay thế được cấp chưa quá 03 tháng tính đến ngày nhận hồ sơ. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).</p>
4	Thời hạn giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp thay đổi tên gọi, địa điểm trụ sở. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp thay đổi người đứng đầu Trung tâm hoặc thay đổi nội dung hoạt

		động của Trung tâm. - Trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản.
5	Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Sở Tư pháp; b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tư pháp.
6	Đối tượng thực hiện TTHC	Tổ chức
7	Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Không
8	Phí, lệ phí	Không
9	Kết quả của việc thực hiện TTHC	Xác nhận nội dung thay đổi vào Giấy đăng ký hoạt động
10	Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không
11	Căn cứ pháp lý của TTHC	Nghị định 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hôn nhân và gia đình.

B. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang

1. Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài

1	Trình tự thực hiện	<p>Bước 1- Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.</p> <p>Bước 2- Nộp hồ sơ tại Phòng Hành chính Tư pháp, Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang (số 43 đường Hùng Vương, phường 7, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang).</p> <p>- Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì thu lệ phí và viết giấy hẹn trao cho người nộp.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản (không thu lệ phí) để công dân hoàn chỉnh hồ sơ.</p> <p>Bước 3- Nhận kết quả tại Phòng Hành chính Tư pháp, Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang (số 43 đường Hùng Vương, phường 7, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang).</p> <p>Thời gian nhận hồ sơ và trả kết quả: Sáng từ 07 giờ đến 11 giờ 30 phút, chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần, riêng sáng thứ bảy từ 07 giờ đến 11 giờ 30 phút (trừ các ngày lễ, tết).</p>
2	Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại cơ quan hành chính nhà nước
3	Hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <p>* Xuất trình:</p> <p><i>Bản chính hoặc bản sao có công chứng hoặc chứng thực giấy tờ chứng minh về nhân thân như: Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế khác.</i></p> <p>* Nộp</p> <p>- Tờ khai đăng ký kết hôn (Mẫu TP/HT-2013-TKĐKKH - Thông tư số 9b/2013/TT-BTP);</p> <p>- Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân hoặc tờ khai đăng ký kết hôn có xác nhận tình trạng hôn nhân của công dân Việt Nam được cấp chưa quá 06 tháng, tính đến ngày nhận hồ sơ; giấy tờ chứng minh tình trạng hôn nhân của người nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của nước mà người đó là công dân cấp chưa quá 06 tháng, tính đến ngày nhận hồ sơ, xác nhận hiện tại người đó là người không có vợ hoặc không có chồng. Trường hợp pháp luật nước ngoài không quy định việc cấp giấy tờ xác nhận tình trạng</p>

hôn nhân thì thay bằng giấy xác nhận tuyên thệ của người đó hiện tại không có vợ hoặc không có chồng, phù hợp với pháp luật của nước đó;

- Giấy xác nhận của tổ chức y tế có thẩm quyền của Việt Nam hoặc nước ngoài cấp chưa quá 06 tháng, tính đến ngày nhận hồ sơ, xác nhận người đó không mắc bệnh tâm thần hoặc bệnh khác mà không có khả năng nhận thức, làm chủ được hành vi của mình;

- Đối với công dân Việt Nam đã ly hôn tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, người nước ngoài đã ly hôn với công dân Việt Nam tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài thì phải nộp giấy xác nhận ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn đã được giải quyết ở nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam;

- Bản sao sổ hộ khẩu hoặc sổ tạm trú (đối với công dân Việt Nam cư trú ở trong nước), Thẻ thường trú hoặc Thẻ tạm trú hoặc Chứng nhận tạm trú (đối với người nước ngoài thường trú hoặc tạm trú tại Việt Nam kết hôn với nhau).

- Ngoài các giấy tờ quy định trên, tùy từng trường hợp, bên nam, nữ phải nộp giấy tờ tương ứng sau đây:

+ Đối với công dân Việt Nam đang phục vụ trong các lực lượng vũ trang hoặc đang làm việc có liên quan trực tiếp đến bí mật nhà nước thì phải nộp giấy xác nhận của cơ quan, tổ chức quản lý ngành cấp trung ương hoặc cấp tỉnh, xác nhận việc người đó kết hôn với người nước ngoài không ảnh hưởng đến bảo vệ bí mật nhà nước hoặc không trái với quy định của ngành đó;

+ Đối với công dân Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước ngoài thì còn phải có giấy tờ chứng minh về tình trạng hôn nhân do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp;

+ Công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài (không đồng thời có quốc tịch nước ngoài) nộp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân do Cơ quan đại diện tại nước mà người đó cư trú cấp hoặc giấy tờ chứng minh tình trạng hôn nhân do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, nơi người đó cư trú cấp;

+ Đối với người nước ngoài không thường trú tại Việt Nam thì còn phải có giấy xác nhận người đó có đủ điều kiện kết hôn do cơ quan có thẩm quyền của nước mà người đó là công dân cấp, trừ trường hợp pháp luật của nước đó không quy định cấp giấy xác nhận này.

		<p>+ Người không quốc tịch cư trú ổn định lâu dài tại Việt Nam phải nộp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân do Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi người đó cư trú cấp.</p> <p>* Lưu ý:</p> <p>+ Giấy tờ do cơ quan, tổ chức nước ngoài lập, cấp hoặc xác nhận phải được hợp pháp hóa lãnh sự (trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại) và dịch ra tiếng Việt, bản dịch phải được chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật Việt Nam.</p> <p>+ Bản sao các giấy tờ trong hồ sơ phải được chứng thực hợp lệ; trường hợp bản sao giấy tờ không có chứng thực thì phải xuất trình bản chính để đối chiếu.</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).</p>
4	Thời hạn giải quyết	<i>Không quá 25 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn được kéo dài thêm không quá 10 ngày.</i>
5	Cơ quan thực hiện TTHC	<p>a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Ủy ban nhân dân tỉnh</p> <p>b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tư pháp</p> <p>c) Cơ quan phối hợp: Công an tỉnh.</p>
6	Đối tượng thực hiện TTHC	Cá nhân
7	Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Mẫu TP/HT-2013-TKĐKKH - Thông tư số 9b/2013/TT-BTP
8	Phí, lệ phí	1.500.000 đồng
9	Kết quả của việc thực hiện TTHC	Giấy chứng nhận kết hôn
10	Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	<p>Việc kết hôn giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài và giữa người nước ngoài với nhau, mỗi bên phải tuân theo pháp luật của nước mình về điều kiện kết hôn; người nước ngoài còn phải tuân theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam về điều kiện kết hôn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên; - Việc kết hôn do nam và nữ tự nguyện quyết định; - Không bị mất năng lực hành vi dân sự; - Việc kết hôn không thuộc một trong các trường hợp cấm kết hôn sau đây theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình: <ul style="list-style-type: none"> + Kết hôn giả tạo; + Tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, lừa dối kết hôn, cản

		<p>trở kết hôn;</p> <ul style="list-style-type: none"> + Người đang có vợ, có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người khác hoặc chưa có vợ, chưa có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người đang có chồng, có vợ; + Kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng giữa những người cùng dòng máu trực hệ; giữa những người có họ trong phạm vi ba đời; giữa cha, mẹ nuôi với con nuôi; giữa người đã từng là cha, mẹ nuôi với con nuôi, cha chồng với con dâu, mẹ vợ với con rể, cha dượng với con riêng của vợ, mẹ kế với con riêng của chồng.
11	Căn cứ pháp lý của TTHC	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Nghị định số 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; - Thông tư số 9b/2013/TT-BTP ngày 20/5/2013 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08.a/2010/TT-BTP ngày 25/3/2010 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng sổ, biểu mẫu hộ tịch và Thông tư số 05/2012/TT-BTP ngày 23/5/2012 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08.a/2010/TT-BTP; - Thông tư số 02a/2015/TT-BTP ngày 23/02/2015 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; - Nghị quyết số 83/2014/NQ-HĐND ngày 11/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Mẫu TP/HT-2013-TKĐKKH - Thông tư số 09b/2013/TT-BTP
 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

1

2

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ KẾT HÔN

Kính gửi:.....

Mẫu TP/HT-2013-TKĐKKH (Thông tư số: 09b/2013/TT-BTP)

Người khai	Bên nam	Bên nữ
Họ và tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Dân tộc		
Quốc tịch		
Nơi thường trú/tạm trú		
Số Giấy CMND/Hộ chiếu/ Giấy tờ hợp lệ thay thế		
Nghề nghiệp		
Kết hôn lần thứ mấy		

Chúng tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, việc kết hôn của chúng tôi không vi phạm quy định của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

Đề nghị
 đăng ký.

....., ngày tháng năm.....

Xác nhận về tình trạng hôn nhân của
 cơ quan có thẩm quyền

Bên nam
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Bên nữ
 (Ký, ghi rõ họ tên)

.....

.....

.....

Xác nhận này có giá trị trong thời hạn 6 tháng
 kể từ ngày xác nhận.

Ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI KÝ GIẤY XÁC NHẬN

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

.....

Chú thích: (1), (2) Trường hợp làm thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài, thì phải dán ảnh của hai bên nam, nữ

2. Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn đã được giải quyết ở nước ngoài

1	Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.</p> <p>Bước 2. Nộp hồ sơ tại Phòng Hành chính Tư pháp, Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang (số 43 đường Hùng Vương, phường 7, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang) hoặc gửi qua đường bưu điện (ghi rõ địa chỉ và số điện thoại liên lạc, kèm theo lệ phí).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ: + Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì thu lệ phí và viết giấy hẹn trao cho người nộp hoặc gửi theo địa chỉ người nộp qua đường bưu điện. + Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn một lần bằng văn bản (không thu lệ phí) để công dân hoàn chỉnh hồ sơ. <p>Bước 3. Nhận kết quả tại Phòng Hành chính Tư pháp, Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang (số 43 đường Hùng Vương, phường 7, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang).</p> <p>Trường hợp người nộp hồ sơ qua đường bưu điện không trực tiếp đến nhận kết quả, Phòng Hành chính Tư pháp gửi kết quả theo địa chỉ của người nộp qua đường bưu điện.</p> <p>Thời gian nhận hồ sơ và trả kết quả: Sáng từ 07 giờ đến 11 giờ 30 phút, chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần, riêng sáng thứ bảy từ 07 giờ đến 11 giờ 30 phút (trừ các ngày lễ, tết).</p>
2	Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước hoặc qua đường bưu điện
3	Hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tờ khai ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn đã được giải quyết ở nước ngoài (Mẫu TP/HTNNG-2015-TK.GCLH) - Thông tư số 02a/2015/TT-BTP); - Bản sao bản án, quyết định ly hôn của Tòa án nước ngoài đã có hiệu lực thi hành; bản sao bản thỏa thuận ly hôn do Tòa án nước ngoài hoặc cơ quan có thẩm quyền khác của nước ngoài công nhận đã có hiệu lực thi hành; bản sao các giấy tờ khác do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài công nhận việc ly hôn; - Bản sao Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc giấy tờ hợp lệ thay thế để chứng minh nhân thân của người có yêu cầu; - Bản sao giấy tờ để chứng minh thẩm quyền ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn;

		<p>* Lưu ý:</p> <p>- Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài lập, cấp hoặc xác nhận phải được hợp pháp hóa lãnh sự (trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại) và dịch ra tiếng Việt; bản dịch phải được chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật.</p> <p>- Người yêu cầu ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn có thể ủy quyền cho người khác thực hiện. Việc ủy quyền phải bằng văn bản và phải được công chứng hoặc chứng thực hợp lệ. Nếu người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì không cần phải có văn bản ủy quyền.</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 02 (bộ).</p>
4	Thời hạn giải quyết	13 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
5	Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Sở Tư pháp b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tư pháp c) Cơ quan phối hợp: Bộ Tư pháp
6	Đối tượng thực hiện TTHC	Cá nhân
7	Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Mẫu TP/HTN Ng-2015-TK.GCLH - Thông tư số 02a/2015/TT-BTP
8	Phí, lệ phí	75.000 đồng
9	Kết quả của việc thực hiện TTHC	Giấy xác nhận
10	Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Bản án, quyết định ly hôn, bản thỏa thuận ly hôn hoặc giấy tờ khác công nhận việc ly hôn do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp không có yêu cầu thi hành tại Việt Nam hoặc không có đơn yêu cầu không công nhận tại Việt Nam.
11	Căn cứ pháp lý của TTHC	<p>- Nghị định số 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hôn nhân và gia đình;</p> <p>- Thông tư số 02a/2015/TT-BTP ngày 23/02/2015 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hôn nhân và gia đình;</p> <p>- Nghị quyết số 83/2014/NQ-HĐND ngày 11/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.</p>

Mẫu TP/HTN Ng-2015-TK.GCLH-Thông tư số 02a/2015/TT-BTP
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI

Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn đã được giải quyết ở nước ngoài

Kính gửi: Sở Tư pháp⁽¹⁾

Họ và tên:.....Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế số⁽²⁾:.....

Nơi thường trú/tạm trú⁽³⁾:.....

.....,

Số điện thoại liên hệ (nếu có):

Quan hệ với người yêu cầu ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn⁽⁴⁾:.....

Đề nghị Sở Tư pháp ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn cho người có tên dưới đây:

Họ và tên:.....Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh⁽⁵⁾:.....

Quốc tịch:.....

Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế số⁽⁶⁾:.....

Nơi thường trú/tạm trú⁽⁷⁾:.....

.....,

Nơi thường trú trước khi xuất cảnh⁽⁸⁾:

.....

Nơi đăng ký kết hôn trước đây⁽⁹⁾:

.....

Đã ly hôn với ông/bà⁽¹⁰⁾:

Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế số⁽¹¹⁾:.....

Nơi thường trú/tạm trú⁽¹²⁾:.....

.....,

Căn cứ ghi: ⁽¹³⁾

.....

.....

(Thông tư số: 02a/2015/TT-BTP)

Mẫu TP/HTN Ng-2015-TK.GCLH

Tôi cam đoan những nội dung khai trên đây là đúng sự thật, nếu khai sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

....., ngày ... tháng ... năm

Người làm đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giải thích biểu mẫu:

(1) Ghi Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, nơi có thẩm quyền ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn

Ví dụ: Sở Tư pháp tỉnh An Giang

(2) Ghi rõ tên loại, số của giấy tờ chứng minh nhân thân của người khai Tờ khai

Ví dụ: Hộ chiếu số N1234568

Giấy CMND số 031946299

(3) Ghi nơi đăng ký thường trú của người khai Tờ khai, trường hợp không có nơi đăng ký thường trú thì ghi nơi đăng ký tạm trú.

(4) Ghi mối quan hệ với người yêu cầu ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn nếu là người được uỷ quyền, ghi “bản thân” nếu trực tiếp nộp hồ sơ tại Sở Tư pháp hoặc gửi hồ sơ qua bưu điện.

(5) Ghi nơi sinh của người có yêu cầu ghi vào sổ hộ tịch, theo 2 cấp đơn vị hành chính (cấp tỉnh, tên nước)

Ví dụ: thành phố Hải Phòng, Việt Nam

hoặc: Paris, Cộng hoà Pháp

(6) Ghi rõ tên loại, số giấy tờ chứng minh nhân thân của người có yêu cầu ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn đang sử dụng tại thời điểm khai Tờ khai

(7) Ghi địa chỉ cư trú tại thời điểm khai Tờ khai của người có yêu cầu ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn

(8) Ghi địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh của người có yêu cầu ghi vào sổ nếu người có yêu cầu trước đây cư trú tại Việt Nam.

(9) Ghi tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận kết hôn trước đây, ghi rõ địa danh hành chính theo 3 cấp nếu trước đây kết hôn tại Việt Nam (nếu kết hôn tại UBND cấp xã), 2 cấp (nếu kết hôn tại UBND cấp huyện), tên Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương nếu kết hôn tại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Ví dụ: UBND xã An Hoà, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng

hoặc: Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh

(10) (11) (12) Ghi họ và tên, tên loại và số giấy tờ chứng minh về nhân thân, nơi cư trú hiện tại của người vợ/chồng trước đây.

(13) Ghi rõ tên loại (Bản án, Quyết định, Giấy chứng nhận ly hôn, Thỏa thuận ly hôn ...), số, cơ quan cấp, ngày cấp, ngày có hiệu lực của văn bản là căn cứ thực hiện việc ghi vào sổ hộ tịch.

Ví dụ: Bản án ly hôn số 56789, do Toà án bang Victoria, Australia cấp ngày 14/02/2014, có hiệu lực ngày 15/3/2014.